

KT3-02658BTP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2020
Page 01/03

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TRẮNG NHẬP KHẨU
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Sample description Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 21/05/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 22/05/2020 - 29/05/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA ĐỒNG NAI
Customer Khu Công Nghiệp BH 1, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02 - 03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Trạng thái bên ngoài/ Appearance	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ White crystal, relatively same in size, dry
7.2. Màu sắc / Color	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cắt cho dung dịch trong White crystal, clear solution when adding in water
7.3. Mùi Vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019	-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ Sugar crystal or sugar solution in water is sweet, free from foreign odor & taste
7.4. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS 1/2/3/9 - 1 (2011) ICUMSA	-	99,8
7.5. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	0,006	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2016 (2013.06)	0,01	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427:2010	0,01	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC (971.21))	0,015	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng đồng, mg/kg Copper content	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện Not detected

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg Aflatoxin content	TCVN 7596:2007		
• B ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• B ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
• G ₁		0,25	Không phát hiện Not detected
• G ₂		0,10	Không phát hiện Not detected
7.12. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g Mesophilic bacteria	GS 2/3 – 41 (2011) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.13. Tổng số nấm men, CFU/10 g Total yeasts	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.14. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g Total moulds	GS 2/3-47 (2015) - ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.